

Một vài con số về khoảng cách mức sống ở thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN MINH AN^[1]

Trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ giảm nghèo. Chỉ số phát triển con người (HDI - Human Development Index) của thành phố ở trong 5 thứ hạng đầu nhóm tỉnh, thành phố có chỉ số HDI cao so với cả nước.

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI	Bà Rịa-Vũng Tàu	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Đà Nẵng	Hải Phòng
Tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục (%) 2004 ^[2]	72,7	82,7	75,0	81,8	72,9
Tuổi thọ (năm) 2004 ^[3]	75,0	76,2	76,2	76,1	74,2
Tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành (%) 2004 ^[4]	94,4	97,9	93,2	96,0	96,7
GDP bình quân đầu người (nghìn VNĐ) 2004 ^[5]	34193	19206	23921	12380	10404
GDP bình quân đầu người (PPP-USD) 2004 ^[6]	10543	6294	7375	3954	3409
Chỉ số tuổi thọ bình quân 2004	0,83	0,85	0,85	0,85	0,82
Chỉ số giáo dục 2004	0,87	0,93	0,87	0,91	0,89
Chỉ số GDP 2004	0,78	0,69	0,72	0,61	0,59
HDI 1999	0,748	0,799	0,793	0,760	0,733
HDI 2004	0,828	0,824	0,814	0,793	0,766
Xếp hạng HDI 2004	1	2	3	4	5

Nguồn: *Phát triển con người Việt Nam 1999-2004 – Những quan sát từ số liệu – Viện KHXH Việt Nam, Chương trình phát triển của LHQ - 2006*

Tỷ lệ GDP của thành phố so với nhóm top 5 trong nước cho thấy đã có tác động mạnh mẽ đến việc giảm nghèo, tỷ lệ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 1^[7] đã giảm từ 7,8% hộ nghèo đầu năm 2001 đến cuối năm 2003 còn 0,15%.^[8]

Xét về khía cạnh Chỉ số phát triển con người, thành phố Hồ Chí Minh xếp thứ 3 sau Bà Rịa-Vũng Tàu và Hà Nội, nhưng về Chỉ số nghèo khổ tổng hợp (HPI - Health Poverty Index), thành phố xếp hạng thứ 2 chỉ sau Hà Nội

CHỈ SỐ NGHÈO KHỔ TỔNG HỢP	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Hải Phòng	Đà Nẵng	Hà Tây
Xếp hạng HPI 2004	1	2	3	4	5
Tỷ lệ người không kỳ vọng sống đến tuổi 40 (%) 2004	2,9	2,9	4,4	3,0	7,2
Tỷ lệ mù chữ của người trưởng thành (%) 2004	2,1	6,8	3,3	4,0	5,0
Tỷ lệ dân không tiếp cận được Nước sạch (%) 2004	0,1	2,3	0,5	0,7	1,3
Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (%) 2004	14,9	10,9	19,7	21,4	22,2

Chỉ số nghèo khổ tổng hợp 1999	8,0	7,4	14,5	11,5	16,0
Chỉ số nghèo khổ tổng hợp 2004	5,4	5,9	7,3	7,8	8,9

Nguồn: *Phát triển con người Việt Nam 1999-2004 – Những quan sát từ số liệu?* – Viện KHXH Việt Nam, *Chương trình phát triển của LHQ - 2006*

Thành phố đã huy động nguồn lực khá lớn phục vụ trực tiếp cho Chương trình xóa đói giảm nghèo: trong 3 năm (2001-2003), bình quân mỗi năm khoảng 600-700 tỷ đồng, trong 2 năm (2004-2005), bình quân mỗi năm khoảng 700-800 tỷ đồng. Với các biện pháp như hỗ trợ vốn cho người nghèo; đầu tư cho các cơ sở kinh doanh, các dự án để giải quyết việc làm cho người thất nghiệp; thực hiện các chính sách an sinh như mua thẻ BHYT, miễn giảm học phí, xây nhà tình thương; đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo... Từ cách làm này, trong 3 năm (2001-2003) đã có trên 60.000 hộ nghèo vượt chuẩn nghèo theo tiêu chí giai đoạn 1, bình quân mỗi năm giảm 20.000 hộ nghèo, tăng 6 lần so với giai đoạn 5 năm đầu (1992-1997: mỗi năm giảm 3.000 hộ) và tăng 2 lần so với giai đoạn 1998-2000: mỗi năm giảm 10.000 hộ.

Năm 2004 với tiêu chí mới về hộ nghèo (6 triệu đồng/ đầu người/năm), thành phố có 7,72% hộ nghèo (89.090 hộ, trong đó có 53.885 hộ có mức thu nhập dưới 4 triệu đồng/ đầu người/năm), trong năm 2004-2005 đã hỗ trợ nâng mức thu nhập cho 49.395 hộ nghèo lên trên mức 4 triệu đồng/ đầu người/năm.¹⁹¹

Tuy nhiên, cần nhìn nhận có sự khác biệt đáng kể về khía cạnh phát triển con người, nhìn chung khoảng cách trong thu nhập của các nhóm ở TP còn khá cao, chênh lệch giữa nhóm 5 và nhóm 1 hơn 6 lần.

THU NHẬP BÌNH QUÂN NHÂN KHẨU 1 THÁNG

1.000 đồng

Năm	Toàn TP	Khu vực		Nhóm thu nhập					Chênh lệch N1 và 5 ở TP HCM	Chênh lệch N.1 và 5 toàn quốc
		Thành thị	Nông thôn	1	2	3	4	5		
2002	904,1	987	549	316,4	525,2	721,6	1008,8	1951,7	6,17	8,11
2004	1,164,8	1266,9	726	430,8	635,4	870	1219	2668,3	6,19	8,34

Nguồn: *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002,2004 – Cục Thống kê TP HCM*

Sự khác nhau về các chỉ tiêu tối thiểu trong đời sống là một trong những vấn đề, thí dụ sự khác biệt về vùng: Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn (các vùng ngoại thành) chỉ bằng phân nửa thu nhập bình quân đầu người ở khu vực thành thị, chỉ tiêu tối thiểu bình quân 1 người/tháng ở khu vực thành thị chiếm 69% thu nhập (869.760 đ), chỉ tiêu tối thiểu bình quân 1 người/tháng ở khu vực nông thôn chiếm 72% thu nhập (525.670 đ), trong đó chỉ tiêu về ăn, uống bình quân đầu người/tháng ở khu vực thành thị là 428.670 đ, khu vực nông thôn là 281.580 đ¹⁹¹. Trong khi đó theo một khảo sát gần đây của Viện Kinh tế TP HCM, để đáp ứng cho nhu cầu 2.100 calori 1 ngày/1 người, số tiền chi dùng cho ăn uống tối thiểu phải vào khoảng 300.000đ - 400.000đ/1 tháng. Hoặc sự tiếp cận khác nhau về dịch vụ và cơ sở hạ tầng: Thành phố có 2,8% dân không tiếp cận được nước sạch, 10,9% trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng, 6,8% tỷ lệ mù chữ của người trưởng thành, tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục chỉ có 75%...phần lớn người nghèo nằm trong các tỷ lệ thiệt thòi này, cụ thể là ở vùng nông thôn: chi nhà ở, điện nước chiếm 4% tổng số chi (21.240đ), trong khi ở khu vực thành thị khoản này chiếm 6,6% (57.420 đ); vùng nông thôn: chi đi lại và bưu điện chiếm 9,7% tổng số chi (51.160đ), trong khi ở khu vực thành thị khoản này chiếm 12,3% (107.350 đ); vùng

nông thôn: chi văn hóa, thể thao, giải trí chiếm 1,7% tổng số chi (9.190đ), trong khi ở khu vực thành thị khoản này chiếm 2,7% (23.820 đ); ngược lại chi y tế chăm sóc sức khỏe ở vùng nông thôn: 11,7% tổng số chi (61.700đ), trong khi ở khu vực thành thị khoản này chiếm 6,3% (54.480 đ).

Từ các con số trên cho thấy có nhiều vấn đề nảy sinh trong việc phát triển con người của thành phố. Chuẩn nghèo của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2010 là thu nhập bình quân đầu người 6 triệu đồng/năm (500.000 đ) tháng chỉ thực sự vừa đủ bảo đảm chuẩn nghèo về lương thực, thực phẩm (mức dinh dưỡng tối thiểu 2.100 calori/người/ngày chiếm khoảng 300.000 đ-400.000 đ), và theo điều tra khảo sát của Viện Kinh tế TP, trong khi người nghèo ở trong tình trạng: thu nhập thấp, công việc làm bấp bênh, nhà cửa tạm bợ... và có rất nhiều các nhu cầu khác như học hành, chữa bệnh, sử dụng các dịch vụ, quan hệ xã hội..., nên thường rất tiết kiệm trong chi tiêu ăn uống, thường chỉ chiếm trên dưới 30% thu nhập, với khoảng 160.000đ-200.000đ cho ăn uống thì không thể nào đủ dinh dưỡng để tái tạo sức lao động. Nhưng nếu nâng chuẩn nghèo lên một mức nữa thì khó lòng chương trình xóa đói giảm nghèo hiện nay kham nổi. Kết quả của chương trình giai đoạn 2004-2005 đã hoàn thành mục tiêu bước 1, giai đoạn 2 của chương trình là: *“thành phố cơ bản không còn có hộ thu nhập dưới 4 triệu đồng/người/năm (49.395 hộ đã nâng được mức 4 triệu đồng/người/năm), đồng thời có trên 17.000 hộ nghèo thoát khỏi tiêu chí nghèo giai đoạn 2, có mức thu nhập 6 triệu đồng/người/năm, hạ tỷ lệ hộ nghèo thành phố xuống còn 6,18% so với tỷ lệ hộ dân thành phố”*. Thành tích Chương trình xóa đói giảm nghèo là một nỗ lực rất lớn của thành phố Hồ Chí Minh, những chính sách áp dụng trong thực tiễn đã giải quyết khá nhiều khó khăn cho các hộ nghèo. Thành phố là một trong những địa phương chứng minh cho các nỗ lực đảm bảo phúc lợi xã hội của Việt Nam. Trong báo cáo phát triển con người (HDR) của Chương trình phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP) năm 2006 đã đánh giá: *“Việt Nam vẫn là một nước khá nghèo nhưng xếp hạng HDI cao hơn rất nhiều nước khác có thu nhập đầu người cao hơn”*.

Cũng phải nhìn nhận, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế sẽ làm tăng thêm sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, bởi vì sự chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường, công bằng trong xã hội là sự bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người có thể tham gia vào nền kinh tế. Nhưng với người nghèo thì sự tiếp cận với cơ hội này có khoảng cách rất lớn, do các nguyên nhân: - Trình độ học vấn và chuyên môn hạn chế: 7,4% người nghèo không biết chữ, 95,9% người nghèo không có trình độ chuyên môn, (tập trung ở nhóm có thu nhập < 4 triệu đồng/người/năm) – Việc làm bấp bênh và nhiều khả năng thất nghiệp – Mọi quan hệ xã hội rất hạn chế.^[11] Một vấn đề nữa là có tầng lớp giàu lên do phát huy ảnh hưởng chính trị và xã hội với sự tiếp cận dễ dàng các kế hoạch, các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước, điều này đã làm cho tiêu chí bình đẳng về cơ hội làm kinh tế của tất cả mọi người đã bị lệch lạc.

Chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2010 với chỉ tiêu cụ thể: *“Phấn đấu thực hiện thành phố cơ bản không còn hộ nghèo có mức thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm, hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1% tổng số hộ dân thành phố”*. Để thực hiện mục tiêu trên, chương trình cũng đã đưa ra các phương hướng khá rõ: - Phát triển kinh tế đi đôi với xóa đói giảm nghèo bền vững với chủ trương các ngành kinh tế-kỹ thuật, các sở-ngành chức năng, các quận phát triển kinh tế khá có trách nhiệm tham gia tích cực vào các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo. – Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để người nghèo, xã-phường nghèo tiếp cận được các dịch vụ sản xuất, các dịch vụ xã hội cơ bản. – Huy động, bố trí nguồn lực tập trung đầu tư cho địa bàn trọng điểm và các hoạt động ưu tiên.^[12]

Tuy nhiên mặc dù hết sức cố gắng nhưng các nguồn lực để thực hiện chương trình hành động trên vẫn chưa đủ để giải quyết vấn đề một cách triệt để, vì quá trình phát triển kinh tế vẫn đang tiếp diễn và sự phân hóa giàu nghèo vẫn tiếp tục, vì vậy sự nỗ lực tự thân để thoát nghèo của người dân là một yếu tố tối cần thiết và quan trọng bậc nhất. Được cung cấp cần

câu nhưng người câu cá phải kiên trì và phải có quyết tâm câu được cá bằng nỗ lực bản thân, nâng cao tay nghề và sự học hỏi kinh nghiệm.

Đồng thời Nhà nước cũng hỗ trợ thêm nữa trong việc giảm thiểu các bất bình đẳng trong những cơ hội tiếp cận trong việc làm kinh tế:

- Chống tham nhũng có hiệu quả: Số tiền do tham nhũng hàng năm gấp nhiều lần các dự án xóa đói giảm nghèo.

- Chính đôn cơ chế chịu trách nhiệm trong cơ quan nhà nước: trách nhiệm không rõ ràng hiện nay dẫn đến việc sử dụng ảnh hưởng chính trị – xã hội để tiếp cận các cơ hội làm giàu và đưa đến thu nhập không kiểm soát được. Hạn chế cơ hội làm kinh tế cho những người tiếp cận được với thông tin và quyên lực.

- Hoàn chỉnh hơn việc thu thuế thu nhập cá nhân: Việc thu thuế không đồng đều hiện nay do khai báo thu nhập và kê khai tài sản không chính xác, dẫn đến sự không công bằng trong việc này.

- Gia tăng bình đẳng giới: người phụ nữ cần được hỗ trợ nhiều hơn về cơ hội học hành, cơ hội có việc làm, tiếp xúc với nguồn tín dụng chính thức, tham gia chính trị...

- Kéo gần khoảng cách của người nghèo với giáo dục: Tập trung ngân sách công cho giáo dục tiểu học và trung học cơ sở như một biện pháp tốt nhất để người nghèo (kể cả những người nhập cư) có thể tiếp cận tốt hơn với giáo dục. Tăng chi tiêu công cho việc đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của thị trường thành phố.

- Tạo công bằng trong cơ hội kinh tế: Người dân cần được thực hiện cụ thể và đầy đủ quyền “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra” trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội dân sự tự nguyện và tự quản phi vụ lợi, tạo điều kiện cho tiếng nói người dân trở thành đối tác trong việc tham mưu, phản biện cho các dự thảo chính sách, dự án công trình công cộng, điều này sẽ thể hiện quá trình dân chủ hóa trong quản lý của chính quyền thành phố, với sự tham gia ngày càng trực tiếp rộng rãi của quần chúng nhân dân vào các quá trình hoạch định chính sách và triển khai chính sách của thành phố.

[1] VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI TP

[2] Tính cả trung cấp, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa, các trường tôn giáo, cao cấp/sơ cấp chính trị. Độ tuổi học trung cấp, cao đẳng, đại học được tính từ 18 đến 22. Số liệu từ VHLSS 2004 của TCTK.

[3] Triển vọng sống trung bình sau khi sinh (E0): E0 được tính dựa vào TĐTDS 1999. Đối với các năm sau đó, dùng E0 đã tính năm 1999 và mô hình tăng E0 do LHQ xây dựng cho các nước đang phát triển.

[4] Tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở lên biết chữ được tổng hợp từ số liệu Tổng điều tra dân số 1999 cho từng tuổi đơn. Sau đó dùng cách trượt tỷ lệ đã tính được với từng độ tuổi để tính cho các năm sau đó.

[5] GDP tính theo giá thực tế; Đã bỏ phần dầu khí ra khỏi GDP của BR-VT – Số liệu tổng hợp của TCTK

[6] GDP giá thực tế quy đổi (theo tỷ giá 15.742 đồng/USD năm 2004); Đã bỏ phần dầu khí ra khỏi GDP của BR-VT – Số liệu tổng hợp của TCTK

[7] Giai đoạn 1: 1992-2000: đầu người 3 triệu đồng/năm ở các quận nội thành, và 2,5 triệu đồng/năm ở các huyện ngoại thành

[8] Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005 – UBND TP Hồ Chí Minh – Tháng 5/2006

[9] Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005 – UBND TP Hồ Chí Minh – Tháng 5/2006

[10] Niên giám thống kê TP.HCM năm 2005 – Cục Thống kê TP HCM

[11] Chuẩn nghèo và bản chất nghèo ở TP Hồ Chí Minh – Thạc sĩ Lê Văn Thành, Viện Kinh tế TP.HCM (Hội thảo Kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo của các cộng đồng và các nhóm xã hội nhỏ ở ĐNA – T.1/2007)

[12] Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005 – UBND TP Hồ Chí Minh – Tháng 5/2006